

QUYẾT ĐỊNH

Quy định bảng giá tối thiểu dùng để thu lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy được quy định tại Điều 1, Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND, ngày 01/7/2008 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21/12/1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29/7/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 176/1999/NĐ-CP, ngày 21/12/1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP, ngày 12/5/2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 95/2005/TT-BTC, ngày 26/10/2005 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ; Thông tư số 79/2008/TT-BTC, ngày 15/9/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 80/2008/NĐ-CP, ngày 29/7/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 176/1999/NĐ-CP, ngày 21/12/1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP, ngày 12/5/2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2358/TTr-STC ngày 30/12/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bổ sung bảng giá tối thiểu dùng để thu lệ phí trước bạ đối với tài sản là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy được quy định tại Điều 1, Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND, ngày 01/7/2008 của UBND tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký../.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Các BPNC: TH, NC;
- Lưu: VT, TM, TTT học (V70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Lữ Ngọc Cư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Bổ sung bảng giá tối thiểu dùng để thu

lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, xe hai bánh gắn máy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2009/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh Đăk Lăk

PHẦN I:

BẢNG GIÁ TỐI THIỂU THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI XE HAI BÁNH GẮN MÁY

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	LOẠI XE	NƯỚC SX	XE MỖI 100%
1	ANGEL +EZ 110R	IKD2	14,300
2	DAEMOT 100-110	Nội địa hoá	7,500
3	DEAHAN NOVA 110	Nội địa hoá	10,100
4	HDMOTOR 110	Nội địa hoá	5,500
5	HONDA WAVE RSX 100	Nội địa hoá	17,400
6	PUSANCIRI 110	Nội địa hoá	6,000
7	SAVAHA 110	Nội địa hoá	5,500
8	SUBITO	Nội địa hoá	6,500
9	WIZARD 110	Nội địa hoá	6,500
10	YAMAHA TAURUS-16S1 (đĩa), 113,7cc	IKD	16,000
11	YAMAHA TAURUS-16S2 (đùm), 113,7cc	IKD	15,300

PHẦN II:

BẢNG GIÁ TỐI THIỂU THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI XE Ô TÔ

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	LOẠI XE	NƯỚC SX	XE MỚI 100%
1	BMW 745i ô tô con 5 chỗ ngồi, 4.398 cc (xăng)	Đức -2004	2,700,000
2	CHRYSLER PT CRUISER ô tô con 5 chỗ, 2.429 cc (xăng)	Mexico-2007	1,350,000
3	FIAT SIENA 1.3ED ô tô con 5 chỗ ngồi, 1.242 cc	VN-2000	317,000
4	HYUDAI SANTA FE MLX ô tô con 7 chỗ ngồi, 1.991 cc (Diesel)	HQ-2008	800,000
5	ISUZU NKR55L ô tô tải 3 tấn	VN-2001	320,000
6	KIA RIO ô tô con 5 chỗ ngồi, 1.599 cc	HQ-2008	390,000
7	RÔMOOC gắn xi téc chở gaz, trọng tải 15 tấn (đã qua sử dụng nhập khẩu)	HQ-1996	360,000
8	SMART ROADSTER ô tô con 2 chỗ ngồi, 698 cc	Đức -2003	450,000
9	TANDA ô tô khách 44 chỗ ngồi	VN-2003	320,000
10	TOYOTA HIACE ô tô khách 16 chỗ ngồi, 1.998 cc	VN-1997	380,000

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Lữ Ngọc Cư